

# ẢNH HƯỞNG CỦA TƯ TƯỞNG TÔN TRUNG SƠN ĐỐI VỚI CÁC TỔ CHỨC YÊU NƯỚC VÀ CÁCH MẠNG VIỆT NAM ĐẦU THẾ KỶ XX

NGUYỄN VĂN KHÁNH\*

**T**ôn Trung Sơn tức Tôn Dật Tiên (sinh ngày 12-11-1866, mất ngày 12-3-1925) là một nhà dân chủ vĩ đại, một nhân vật hàng đầu trong lịch sử cận-hiện đại Trung Quốc. Năm 1905, Ông đề ra chủ nghĩa Tam Dân, đồng thời thành lập tổ chức *Trung Quốc Đồng minh hội cách mạng* để cổ động cho chủ nghĩa Tam dân và tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân chống lại triều Thanh.

Kể từ năm 1902 đến năm 1908, Tôn Trung Sơn đã 6 lần đến Việt Nam mà lần lưu lại lâu nhất là lần thứ 6 (1) kéo dài từ đầu năm 1907 đến đầu năm 1908 nhằm tuyên truyền, tập hợp Hoa kiều, chuẩn bị lực lượng tiến hành lật đổ nhà Thanh. Nhưng trong khoảng thời gian đó, tư tưởng Tôn Trung Sơn, cũng như chủ nghĩa Tam Dân do ông đề xướng chưa có tác động mạnh mẽ và để lại dấu ấn rõ rệt trong quan điểm tư tưởng của các sĩ phu yêu nước và nhân dân Việt Nam. Phải đến sau năm 1911, với thắng lợi của cuộc Cách mạng Tân Hợi dẫn đến sự thành lập nước Trung Hoa Dân quốc thì tính ưu việt và sức sống của tư tưởng Tôn Trung Sơn mới được khẳng định trên thực tế, và tác động mạnh mẽ đến các tổ chức yêu nước của Việt Nam.

Trên cơ sở các tư liệu và sự kiện có chọn lọc, bài viết tập trung phân tích làm rõ

những tác động về tư tưởng của Tôn Trung Sơn và sự giúp đỡ của các nhà cách mạng dân chủ Trung Quốc đối với các tổ chức yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Bên cạnh việc làm rõ những nét tương đồng (giống nhau) với tư tưởng dân chủ cách mạng của Trung Quốc, bài viết cũng chỉ ra những điểm dị biệt (khác nhau) giữa chủ nghĩa Tam Dân và tư tưởng cách mạng của Tôn Trung Sơn với đường lối chính trị của các tổ chức yêu nước Việt Nam, tiêu biểu là tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng trong vấn đề dân tộc.

## 1. Những ảnh xạ của chủ nghĩa Tam Dân trong Việt Nam Quang phục hội

Như chúng ta đã biết, Phan Bội Châu (1867-1940) là một nhà yêu nước lớn và tiêu biểu nhất của Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. Ông chủ trương dùng bạo lực đánh đổ thực dân xâm lược để giành lại nền độc lập dân tộc và đưa đất nước đi theo con đường phát triển như Nhật Bản và các nước tư bản phương Tây. Để thực hiện mục tiêu đó, ông cùng một số đồng chí quyết định thành lập tổ chức Duy Tân hội vào năm 1904 với mục đích "cốt khôi phục nước Việt Nam, lập nên một chính phủ độc lập, ngoài ra chưa có chủ nghĩa gì khác" (2). Tuy nhiên, căn cứ vào việc những người sáng lập tôn Hoàng thân Cường Để lên làm

\* GS. TS Trường Đại học KHXH&NV, ĐHQG HN

Hội trưởng thì có thể thấy Duy Tân hội vẫn thuộc phạm trù tư tưởng quân chủ, có chăng là quân chủ lập hiến, ở đây vua chỉ còn trên danh nghĩa mà không có thực quyền. Nhằm thực hiện chủ trương xuất dương cầu viện của Duy Tân hội, cuối tháng 2 năm 1905, Phan Bội Châu cùng Đặng Tử Kính và Tăng Bạt Hổ lên đường sang Nhật Bản. Và chính trong thời gian lưu lại ở Nhật, nhận thức và quan điểm chính trị của Phan Bội Châu đã dần dần thay đổi. Yếu tố có tác động trực tiếp tạo nên sự chuyển biến trong tư tưởng chính trị của của Phan Bội Châu là những tư tưởng dân chủ của phương Tây, mà trực tiếp là chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn. Trong thời gian mới sang Nhật Bản (năm 1905), Phan Bội Châu đã 2 lần gặp và bút đàm với Tôn Trung Sơn, và ông nhận ra rằng, "chính thể dân chủ cộng hòa là hay là đúng". Rồi từ đó, trong quá trình hoạt động cách mạng ở Trung Quốc và qua nhiều lần tiếp xúc với đảng viên cách mạng Trung Quốc, Phan Bội Châu ngày càng thấm nhuần tư tưởng dân chủ (3).

Thắng lợi của Cách mạng Tân Hợi (năm 1911) là một trong những yếu tố tác động trực tiếp tạo nên bước chuyển biến căn bản trong tư tưởng chính trị của Phan Bội Châu từ quân chủ lập hiến sang dân chủ cộng hòa. Nhận thấy Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc thành công là cơ hội thuận lợi cho cách mạng Việt Nam nên cuối năm 1911, Phan Bội Châu từ Xiêm (Thái Lan) đã sang Quảng Đông, Trung Quốc. Tại đây, để kêu gọi các nước châu Á chống đế quốc giành độc lập dân tộc, Phan Bội Châu đã viết *Liên Á số ngôn*.

Đầu năm 1912, Chính phủ Trung Hoa dân quốc được thành lập, do Tôn Trung Sơn đứng đầu. Đây là điều kiện thuận lợi để Phan Bội Châu tập hợp những người Việt Nam yêu nước đang cư ngụ và hoạt

động trên đất Trung Quốc vào mục tiêu cách mạng. Dựa vào các mối quan hệ cũ, đồng thời chủ động khai thác các điều kiện thuận lợi mới, Phan Bội Châu đã tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ của một số nhân vật chủ chốt trong bộ máy chính quyền Trung Hoa lúc bấy giờ như Đô đốc Quảng Đông Hồ Hán Dân, Đô đốc Thượng Hải Trần Kỳ Mỹ. Ngay chính quyền tỉnh Quảng Đông, nơi Phan Bội Châu và các đồng chí của ông thường xuyên lui tới, hoạt động cũng không gây bất cứ khó khăn gì cho các nhà yêu nước Việt Nam. Sau này, trong hồi ký của mình, Phan Bội Châu cũng đã công nhận rằng: "Chính phủ Quảng Đông lúc bấy giờ vốn đã sẵn lòng ngó lơ cho ta, thành ra đảng ta tấn hành, mọi việc hoạt động được thông thả tự nhiên, không bị lo ngại ngăn trở gì cả" (4).

Dưới tác động của bối cảnh lịch sử mới, nhất là sau sự kiện thành lập Chính phủ Trung Hoa Dân quốc, xuất phát từ nhận thức mới về thời cuộc, ngày 5 tháng 5 năm Nhâm Tý (1912) (5), tại từ đường nhà Lưu Vĩnh Phúc ở tỉnh Quảng Đông, Phan Bội Châu và một số sĩ phu yêu nước khác của Việt Nam đã quyết định thủ tiêu Duy tân hội và thành lập *Việt Nam Quang Phục hội*. Tôn chỉ mục đích của Việt Nam Quang phục hội là "Đánh đuổi đế quốc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa dân quốc Việt Nam". Trong khi đó mục đích của tổ chức *Đồng Minh hội* trong Cách mạng Tân Hợi do Tôn Trung Sơn lãnh đạo là "đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, bình quân địa quyền". Như vậy, Cương lĩnh chính trị của Việt Nam Quang phục hội đã bỏ mất một vế rất quan trọng là "bình quân địa quyền" (6). Khiếm khuyết đó có thể coi là một hạn chế trong tư tưởng chính trị của Việt Nam Quang phục hội so với Đồng Minh hội. Về cơ cấu tổ chức và phương hướng hành động của tổ chức Việt

*Nam Quang phục hội* cũng có nhiều điểm giống *Trung Quốc Đồng minh hội*, mặc dù ở mức độ thấp hơn (7).

Rõ ràng, với việc thành lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội, Phan Bội Châu đã dứt khoát chuyển sang lập trường dân chủ tư sản và đi theo đường lối Cách mạng Tân Hợi do Tôn Trung Sơn lãnh đạo (8).

Về tổ chức, Việt Nam Quang phục hội gồm có 3 bộ: Bộ Tổng vụ, Bộ Bình nghị, Bộ Chấp hành. Để thực hiện chủ trương đánh đuổi giặc Pháp bằng bạo lực vũ trang, Việt Nam Quang phục hội đã thành lập đội *Quang phục quân* đặt dưới sự chỉ huy của những sĩ quan tốt nghiệp các trường Sĩ quan Bắc Kinh, Quân nhu Bắc Kinh, Cán bộ Lục quân Quảng Tây.

Trong mấy năm tồn tại, Việt Nam Quang phục hội muốn tập hợp và thu phục lực lượng bằng các hoạt động gây "kinh thiên động địa" (9) nên đã tiến hành nhiều vụ ám sát cá nhân, nhất là nhằm vào những nhân vật chủ chốt trong chính quyền thực dân Pháp. Đầu tiên là tổ chức các vụ mưu sát Toàn quyền Albert Sarraut và những viên trợ thủ đắc lực của chính quyền Pháp như Lê Hoan, Hoàng Trọng Phu, Nguyễn Duy Hàn...; rồi tiếp sau đến một vài vụ bạo động khác ở trong nước, cả trong kiều bào Việt Nam ở vùng Vân Nam, gần biên giới Việt-Trung, nhưng tất cả các hoạt động đó rốt cuộc đều không thành công. Cho đến tháng 3 năm 1913, số người Việt Nam ở Quảng Đông chỉ còn khoảng trên 40 người. Tháng 1-1914, Phan Bội Châu (cùng Mai Lão Bạng) bị giới quân phiệt Trung Quốc bắt giam ở Quảng Đông; cho đến tháng 4 năm 1917, ông mới được thả.

Mặc dù học tập theo đường lối cách mạng dân chủ tư sản của Tôn Trung Sơn và Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc) nhưng đường lối chính trị cũng như hoạt động của Việt Nam Quang phục hội chưa

mang tính triệt để. Trong Cương lĩnh chính trị của Đồng Minh Hội do Tôn Trung Sơn đề ra trong Cách mạng Tân Hợi là "khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc, bình quân địa quyền", nhưng Việt Nam Quang phục hội chỉ chủ trương "đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc", mà chưa có khẩu hiệu nhằm thu phục lực lượng đông đảo nhất lúc bấy giờ là giai cấp nông dân, vì vậy chưa tranh thủ được sự ủng hộ, tham gia của đông đảo nhân dân, trước hết là nông dân vào cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Đây cũng là hạn chế trong tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu, đồng thời cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến thất bại của Việt Nam Quang phục hội và khuynh hướng bạo động ở Việt Nam đầu thế kỷ XX.

Đến giữa năm 1924, do chịu ảnh hưởng tư tưởng của Cách mạng tháng Mười Nga và phong trào dân chủ, cách mạng ở Trung Quốc, nhất là xu hướng cải tổ của Trung Quốc Quốc dân đảng, Phan Bội Châu đã nhận thấy "phong trào hiện nay đã dần dần khuynh hướng về cách mạng thế giới" nên đã thảo luận với các đồng chí, thủ tiêu hội Quang Phục cải tổ thành "Việt Nam Quốc dân đảng". Phan Bội Châu cũng đã dự thảo Chương trình và Cương lĩnh của Đảng Quốc dân Việt Nam, trong đó quy định cơ cấu tổ chức của Đảng gồm 5 bộ phận: Bộ Bình Nghị, Bộ Kinh tế, Bộ Chấp hành, Bộ Giám đốc, Bộ Giao tế. Quy mô tổ chức đại lược - theo lời Phan Bội Châu - "cũng theo như chương trình Quốc dân đảng Trung Hoa mà châm chước thêm bớt ít nhiều" (10). Tiếp đó, để xúc tiến công việc chuẩn bị thành lập Đảng, ngày 23-6-1924, Phan Bội Châu còn viết Việt Nam Quốc dân đảng Thanh minh thư nhằm nêu rõ tôn chỉ mục đích của Đảng (11). Tiếc thay, kế hoạch lớn chưa thực hiện được thì ngày 30-6-1925 (12), Phan Bội Châu bị mất

thám Pháp bắt tại ga Bắc Thượng Hải trên đường đi đến Quảng Đông, rồi sau đó đưa về giam giữ ở trong nước với mục đích bí mật thủ tiêu ông.

Từ những hoạt động nói trên, nhất là qua việc sáng lập tổ chức *Việt Nam Quang phục hội* và chủ trương thành lập *Việt Nam Quốc dân đảng* chứng tỏ rằng Phan Bội Châu đã chịu ảnh hưởng ngày càng sâu sắc tư tưởng dân chủ của Tôn Trung Sơn, nhờ đó đã góp phần xác định một hướng đi mới cho phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam những năm đầu thế kỷ XX. Tư tưởng dân chủ tư sản mà Phan Bội Châu và các đồng chí của ông đề xướng đã có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp để giành độc lập dân tộc và mở đường đưa đất nước phát triển theo con đường như Nhật Bản và các nước tư bản phương Tây.

## 2. Việt Nam Quốc dân đảng và chủ nghĩa Tam Dân: Những khác biệt trên vấn đề dân tộc

Sau khi Tôn Trung Sơn mất, tư tưởng của ông tiếp tục có ảnh hưởng mạnh mẽ trong các tổ chức yêu nước Việt Nam, nhất là trong tổ chức *Việt Nam Quốc dân đảng* (13). Tiên thân của đảng này là *Nam Đồng Thư xã* mà thành viên là một số trí thức tiểu tư sản - những tín đồ của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam Dân. Năm 1926, cuốn sách đầu tiên được biên soạn và xuất bản tại đây là cuốn *Tiểu sử và học thuyết Tôn Dật Tiên, Thủ lĩnh Đảng cách mạng Trung Hoa của Dật Công* (Phạm Tuấn Lâm) và *Nhượng Tống* (Hoàng Phạm Trân). *Nam Đồng Thư Xã* còn dự định biên dịch và xuất bản các trước tác của Tôn Trung Sơn bằng tiếng Việt. Nhưng rồi sau đó, *Thư xã* bị chính quyền Pháp ra lệnh đóng cửa nên không thực hiện được.

Ngoài ra, báo *Tiếng Dân* của Huỳnh Thúc Kháng xuất bản ở Huế đã dành 54 số từ cuối tháng 11 năm 1927 đến đầu tháng 6 năm 1928 để đăng bản dịch tiếng Việt - *Chủ nghĩa Tam Dân của Tôn Văn*.

Việt Nam Quốc dân Đảng được thành lập ngày 25-12-1927 nhưng không có một cương lĩnh chính trị nhất quán, rõ ràng.

Theo hai yếu nhân của Việt Nam Quốc dân đảng là Trần Huy Liệu và Phạm Tuấn Tài, thì tôn chỉ đầu tiên của Đảng là “trước làm dân tộc cách mạng, sau làm thế giới cách mạng” (14). Còn khái niệm “chính cương”, “đảng cương” hay “chủ nghĩa” cũng chưa hề được nhắc đến trong bản dự thảo chương trình, điều lệ. Có điều, quan niệm cách mạng thế giới của các đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng bấy giờ không được rõ ràng lắm. Họ quan niệm cách mạng thế giới đơn giản là sau khi làm xong cách mạng quốc gia, sẽ cùng các dân tộc nhược tiểu làm cách mạng thế giới (15).

Về mục đích, Đảng nêu rõ phải đánh đổ nền quân chủ chuyên chế, lập nước Việt Nam dân quốc cộng hòa, trong đó nhân dân được hưởng các quyền tự do ngôn luận, đi lại, hội họp, tự do tín ngưỡng.

Để thực hiện được mục tiêu trên, Việt Nam Quốc dân đảng chủ trương làm cách mạng qua ba thời kỳ: *Thời kỳ thứ nhất* là khôi phục hay thời kỳ bí mật; *thời kỳ thứ hai* là dự bị bán công khai; *thời kỳ thứ ba* là thời kỳ khởi nghĩa hay thời kỳ công khai. Trong thời kỳ này, dựa trên các lực lượng đã được chuẩn bị, Việt Nam Quốc dân đảng sẽ thành lập những đoàn quân cảm tử, phối hợp với anh em binh lính Việt Nam yêu nước trong quân đội Pháp dưới sự chỉ huy của các cán bộ quân sự được đào tạo ở nước ngoài, nổi dậy ở các thành thị để giành thắng lợi (16).

Cuối năm 1928, theo đề nghị của Nguyễn Khắc Nhu, Việt Nam Quốc dân đảng đã soạn thảo bản Chương trình, Điều lệ thứ hai. Bản Điều lệ này dài và chi tiết hơn. Trong bản Điều lệ năm 1928, Việt Nam Quốc dân đảng đã nêu chủ nghĩa của Đảng là xã hội dân chủ. Mục đích của Đảng là đoàn kết các lực lượng cả nam lẫn nữ (17) để:

- a/ Đẩy mạnh cách mạng dân tộc.
- b/ Xây dựng nền dân chủ trực tiếp.
- c/ Giúp đỡ các dân tộc bị áp bức (18).

Về thực chất, VNQDD muốn thực hiện đường lối dùng bạo lực đánh đuổi ngoại xâm, giành độc lập dân tộc và xây dựng chế độ cộng hòa; sau đó giúp đỡ các nước thuộc địa vùng lên làm cách mạng giải phóng dân tộc.

Đến đầu năm 1929, Việt Nam Quốc dân đảng lại tiếp tục điều chỉnh, thay đổi tôn chỉ mục đích của mình, và tiếp tục xác định nhiệm vụ:

- a/ Đẩy mạnh cách mạng dân tộc.
- b/ Xây dựng nền cộng hòa trực tiếp.
- c/ Giúp đỡ các dân tộc bị áp bức.

*Bản chương trình hành động* cuối cùng của Việt Nam Quốc dân đảng xuất hiện trước khi nổ ra khởi nghĩa Yên Bái còn ghi rõ nguyên tắc Tự do-Bình đẳng-Bác ái của cách mạng Pháp (Liberté, Egalité, Fraternité) và mục đích của Đảng là cách mạng dân tộc; cách mạng chính trị và cách mạng xã hội (19). Nhằm đạt tới mục tiêu nói trên, Việt Nam Quốc dân đảng chủ trương tiến hành cách mạng qua bốn thời kì: Phôi thai (bí mật), dự bị (bán bí mật), hoạt động công khai và kiến thiết (giành chính quyền).

Cho đến thời điểm xúc tiến khởi nghĩa Yên Bái, những người lãnh đạo Việt Nam Quốc dân đảng vẫn muốn tiếp tục thay đổi cương lĩnh, tôn chỉ của Đảng nhưng vì thời

gian quá gấp gáp, nên họ đã cắt gọt chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn làm tôn chỉ mục đích của Đảng. Chính tác giả sách *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng cận đại Việt Nam, tập V*, đồng thời là một trong những yếu nhân của Việt Nam Quốc dân đảng đã xác nhận rằng: “Đến lúc này, trong khi chuẩn bị một trận đánh liều mạng, các lãnh tụ của Đảng cố nhiên không còn đủ thì giờ để thảo luận chủ nghĩa, chỉnh đốn chính cương, mà chỉ còn kịp “bung” toàn bộ chủ nghĩa Tam dân vào đảng. Từ đó chủ nghĩa Tam dân mới trở nên chủ nghĩa chính thức của Việt Nam Quốc dân đảng” (20).

Ngay từ năm 1926, các yếu nhân của Nam Đồng Thư Xã là Phạm Tuấn Lâm và Phạm Hoàng Trân đã biên soạn và xuất bản cuốn sách: *Tiểu sử và học thuyết Tôn Dật Tiên* (21). Các tác giả còn cho biết, sẽ biên dịch các tác phẩm của Tôn Trung Sơn ra tiếng Việt, nhưng vì bị thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa nên ý định đó không thực hiện được.

Những tài liệu trên chứng tỏ rằng, nền tảng tư tưởng của Nam Đồng Thư xã và tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng dựa trên ba nguyên tắc: Tự do-Bình đẳng-Bác ái; nhưng về thực chất, nội dung của các nguyên tắc đó cũng giống như ba vấn đề cơ bản nhất của chủ nghĩa Tam dân là Dân tộc độc lập-Dân quyền tự do-Dân sinh hạnh phúc. Điều này đã được chính Tôn Trung Sơn xác nhận trong bài nói chuyện ngày 16-3-1924 rằng: “Thời cách mạng Pháp, khẩu hiệu của cách mạng là Tự do-Bình đẳng-Bác ái giống khẩu hiệu của cách mạng Trung Quốc ngày nay là chủ nghĩa dân tộc-chủ nghĩa dân quyền-chủ nghĩa dân sinh” (22).

Nhưng nếu so sánh giữa đường lối chính trị của Việt Nam Quốc dân đảng với chủ nghĩa Tam dân thì thấy cũng có sự khác

nhau không nhỏ. Tôn Trung Sơn chủ trương tiến hành cách mạng qua ba giai đoạn: 1/ Quân chánh: Dùng sức mạnh quân sự để san bằng các trở lực nhằm xây dựng nền tảng quốc gia; 2/ Huấn chánh: Tuyên truyền, khuyến khích nhân dân bài trừ phong kiến, thành lập các hội đồng tự trị địa phương (kiểu Nghị viện); 3/ Hiến chánh: Thực hiện Ngũ quyền Hiến pháp (lập pháp, hành pháp, tư pháp, giám sát và khảo thí) (23). Để thực hiện chủ nghĩa dân tộc, ông đề ra ba nhiệm vụ: 1/ Tiến hành tuyên truyền thức tỉnh và lãnh đạo nhân dân chống lại Mãn Thanh; 2/ Thử nghiệm đấu tranh bằng con đường vũ trang khởi nghĩa; 3/ Tiến hành cuộc cách mạng của quần chúng nhằm lật đổ chính quyền Mãn Thanh (24).

Trong khi đó đường lối cách mạng do Việt Nam Quốc dân đảng xác định là: Làm cách mạng dân tộc, xây dựng nền cộng hòa dân chủ và giúp đỡ các dân tộc bị áp bức trên thế giới làm cách mạng.

Chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn (Trung Quốc), Việt Nam Quốc dân đảng đã đứng trên lập trường của giai cấp tư sản dân tộc để giải quyết vấn đề dân tộc. Trong tất cả các bản điều lệ và chương trình hành động của mình, Việt Nam Quốc dân đảng đều tập trung vào vấn đề dân tộc, coi đấu tranh chống áp bức dân tộc và giải phóng dân tộc là yêu cầu, nhiệm vụ hàng đầu, cơ bản của Đảng. Mục đích thứ nhất (a) trong bản điều lệ đầu tiên của Việt Nam Quốc dân đảng (năm 1928) là “đẩy mạnh cách mạng dân tộc; trong bản điều lệ đã sửa đổi và Chương trình hành động Việt Nam Quốc dân đảng (năm 1929) là “đẩy mạnh cách mạng dân tộc, xây dựng nền cộng hòa trực tiếp, giúp đỡ các dân tộc bị áp bức”; trong Chương trình hành động của Đảng (năm 1929)... thì mục đích cuối cùng của Việt Nam Quốc dân

đảng là dùng bạo lực đánh đổ ách thống trị của đế quốc Pháp để giành độc lập dân tộc, thành lập chính phủ cộng hòa, thực hiện quyền tự do dân chủ và mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Việt Nam. Cương lĩnh chính trị của Việt Nam Quốc dân đảng đề cập đến thời kỳ kiến thiết, nhưng nội dung và bước đi còn rất chung chung; như “truyền bá học vấn, giáo dục nhân dân bằng các cuộc nói chuyện công cộng, tuyên bố tự do ngôn luận” (25). Hạn chế này bắt nguồn từ cơ sở xã hội non yếu của phong trào dân tộc tư sản, nói cách khác là do tình trạng bạc nhược về kinh tế, non yếu về chính trị của giai cấp tư sản dân tộc Việt Nam. Dựa trên trạng thái của một giai cấp tư sản yếu đuối như vậy, Việt Nam Quốc dân đảng đã tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Tam dân theo cách riêng của mình.

Ở đây có thể thấy, về bản chất tư tưởng dân tộc và chủ nghĩa dân tộc của Việt Nam Quốc dân đảng không giống chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn. Tuy nhiên, nghiên cứu tư tưởng dân tộc của Tôn Trung Sơn cũng cần tiếp cận qua hai giai đoạn: giai đoạn từ năm 1905 đến năm 1911 và từ sau năm 1911 đến năm 1924.

Trong giai đoạn đầu vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, do triều đình Mãn Thanh đã áp dụng nhiều chính sách tạo cơ hội cho các cường quốc phương Tây can thiệp và xâm chiếm Trung Quốc, nên Tôn Trung Sơn muốn “đánh đổ Bảo hoàng” tức là chính quyền Mãn Thanh để thành lập Dân quốc. Tư tưởng này của ông được thể hiện rõ trong Bốn cương lĩnh lớn của tổ chức *Đồng minh hội* được thành lập vào năm 1905 gồm: Đánh đuổi giặc Thát, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc; bình quân địa quyền. Đánh đuổi giặc Thát tức là loại trừ người Mãn để thành lập chính quyền cộng hòa mà người Hán là trung tâm. Đây là một hạn chế lớn trong quan điểm của

Tôn Trung Sơn về vấn đề dân tộc trong thời kỳ đầu của chủ nghĩa Tam dân.

Về sau, nhất là từ sau Cách mạng Tân Hợi (năm 1911) đến khi cải tổ Trung Quốc Quốc dân đảng (vào đầu năm 1924), trước sự can thiệp xâm lược ngày càng trắng trợn của các nước tư bản phương Tây tại Trung Quốc, Tôn Trung Sơn đã dần chuyển sang đề cao tư tưởng đấu tranh chống áp bức dân tộc (ngoại bang). Theo ông, cần phải làm cho nhân dân Trung Quốc thấy được nguy cơ bị nước ngoài tiêu diệt nên phải tập hợp lực lượng, đoàn kết từ gia tộc đến tông tộc rồi quốc tộc (dân tộc) để giành độc lập dân tộc, làm cho đất nước Trung Quốc cường thịnh lên. Ông chủ trương trước hết phải nói chủ nghĩa dân tộc, rồi mới nói đến chủ nghĩa thế giới. Ông không đồng tình khi cho rằng chủ nghĩa dân tộc là hẹp hòi (26).

Bên cạnh chủ trương đấu tranh chống áp bức và giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức của các nước phương Tây, Tôn Trung Sơn vẫn đề cao vị trí của dân tộc Hán, coi Hán tộc là trung tâm với quan điểm “Ngũ tộc cộng hòa”. Nội dung cơ bản của chủ nghĩa dân tộc “Ngũ tộc” là tại vùng Trung Nguyên, ngoài người Hán là chủ thể còn có người Mãn, người Mông cổ, người Hồi, người Tạng nên cần thực hiện bình đẳng dân tộc. Tư tưởng này có thể được coi là giai đoạn thứ hai trong quá trình phát triển chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn. Tuy nhiên, kể từ khi mới hình thành đến sau này, về cơ bản chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn là chủ nghĩa dân tộc Đại Hán. Ông từng nói: “Người Hán chúng ta có chính quyền mới có nước, khi chính quyền bị người của dân tộc khác chi phối thì đất nước là của dân tộc đó. Như vậy không phải là nước của người Hán chúng ta rồi... Hiện tại chính quyền đang thuộc về Mãn Thanh, người dân Hán chúng ta trong lòng vẫn có một nguyện vọng... tiếp tục

khởi nghĩa” (27). Ở một chỗ khác, Tôn Trung Sơn cũng nói: “Xét theo tình hình tập quán xã hội trong lịch sử Trung Quốc..., chủ nghĩa dân tộc là chủ nghĩa quốc tộc” (ý nói là người Hán-Trung Quốc). Ông nhấn mạnh: “Nói chủ nghĩa dân tộc tức là chủ nghĩa quốc tộc, điều đó chỉ thỏa đáng ở Trung Quốc, không thỏa đáng đúng ở nước ngoài” (28). Sau Phong trào Ngũ Tứ (4-5-1919), nhất là sau khi Quốc-Cộng hợp tác (năm 1923), quan niệm về chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn cũng có sự điều chỉnh, thậm chí còn được bổ sung và phát triển với chính sách *Tam đại chính sách là liên Nga, dung cộng, phù trợ công nông, bình quân địa quyền và tiết chế tư bản*. Ông chủ trương “hòa hợp dân tộc”, phấn đấu để tự cứu dân tộc, “dân tộc tự quyết” và xây dựng quốc gia dân tộc “Đại Trung hoa” (29). Như vậy, chủ nghĩa dân tộc của Tôn Trung Sơn có một quá trình phát triển lúc đầu là “bài Mãn” đến “Ngũ tộc cộng hòa” rồi chủ nghĩa dân tộc “Đại Trung Hoa”. Về thực chất đó là chủ nghĩa quốc tộc “Đại Hán”, nhằm nâng cao địa vị quốc tế của Trung Hoa trên trường chính trị thế giới.

Còn đường lối/chủ nghĩa dân tộc của Việt Nam Quốc dân đảng là chống áp bức dân tộc và nô dịch dân tộc của bọn thực dân đế quốc ngoại bang. Quan điểm về vấn đề dân tộc của Việt Nam Quốc dân đảng không chỉ thể hiện trong tôn chỉ mục đích, mà còn được bộc lộ qua cách đánh giá lực lượng cách mạng, trong phương châm chỉ đạo và hành động cách mạng của đảng.

Trong cương lĩnh chính trị, cũng như trong hành động cách mạng, Việt Nam Quốc dân đảng không chủ trương đấu tranh giai cấp; mặc dù khi nhìn nhận và bố trí lực lượng cách mạng, đảng vẫn đứng trên lập trường dân tộc của giai cấp tư sản. Các bản Chương trình, Điều lệ được soạn thảo vào các năm 1928, 1929 đã xác định

phương châm cơ bản là đoàn kết dân tộc bao gồm các lực lượng cả nam lẫn nữ, không phân biệt giai cấp, tôn giáo, lứa tuổi để tranh đấu thực hiện tôn chỉ của đảng. Nhưng giữa cương lĩnh và hành động của Đảng không có sự thống nhất. Trên thực tế, Việt Nam Quốc dân đảng vẫn có sự phân biệt, chú trọng tầng lớp, giai cấp này mà coi nhẹ sức mạnh, vai trò của tầng lớp, giai cấp khác. Điều đó thể hiện rõ ở trong quá trình phát triển đảng, Việt Nam Quốc dân đảng ưu tiên kết nạp các binh sĩ Việt Nam trong hàng ngũ quân đội Pháp, tiếp đến là tư sản dân tộc, tiểu tư sản, trí thức ở thành thị, các thân hào, chức dịch và cả những người khá giả ở nông thôn. Còn đối với giai cấp công nhân và nông dân, Việt Nam Quốc dân đảng chỉ chủ trương tổ chức họ lại trong các đoàn, coi đó là lực lượng cảm tình của Đảng.

Tóm lại, mặc dù có nhiều thay đổi và được nêu ra trong các thời điểm khác nhau song tư tưởng chính trị cốt lõi của Việt Nam Quốc dân đảng là đấu tranh giải phóng dân tộc. Tư tưởng dân tộc này không hoàn toàn giống với chủ nghĩa dân tộc trong quan điểm chính trị của Tôn Trung Sơn kể cả trong thời kỳ mang nhiều yếu tố tích cực nhất. Tôn Trung Sơn nhận thấy tinh thần nhân dân Trung Hoa bị rệu rã trước sự o ép về chính trị và sức mạnh kinh tế của phương Tây nên chủ trương phải tái tạo sức mạnh dân tộc; nhân dân phải giành lại chủ quyền quốc gia để xây dựng đất nước độc lập. Quan điểm của Tôn Trung Sơn cũng hướng đến xây dựng quyền bình đẳng giữa các dân tộc: Hán, Mông, Tây Tạng... nhưng trong sáu phẩm tâm hồn của mình, ông vẫn muốn dân tộc Hán nắm giữ chính quyền (30). Bởi vậy, chủ nghĩa dân tộc của ông về thực chất là chủ nghĩa quốc tộc (Hán tộc). Trong khi đó, bản chất tư tưởng dân tộc của Việt Nam Quốc dân đảng

là tập hợp lực lượng dân tộc để lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp, khôi phục nền độc lập dân tộc.

Tuy nhiên, chịu tác động của bối cảnh đã đổi khác của thế giới và Việt Nam sau Đại chiến Thế giới I, chủ nghĩa dân tộc của Việt Nam Quốc dân đảng đã mang những sắc thái và nội dung mới, không giống hoàn toàn chủ nghĩa dân tộc của Việt Nam trong thời kỳ phong kiến. Nếu trước đây, dưới thời phong kiến, chủ nghĩa dân tộc Đại Việt được xác lập với quan niệm "*Cõi bờ sông núi đã riêng, phong tục Bắc Nam cũng khác*" (Nguyễn Trãi-Cáo Bình Ngô), thì đến giai đoạn này, chủ nghĩa dân tộc Việt Nam được gắn liền với yêu cầu đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân giành lại độc lập tự do, làm cho dân giàu nước mạnh, đi theo con đường của Nhật Bản và các nước tư bản phương Tây.

### 3. Ảnh hưởng của tư tưởng Tôn Trung Sơn đến Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên

Sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, dưới tác động của Cách mạng Tháng Mười Nga, tư tưởng của Tôn Trung Sơn và Trung Quốc Quốc dân đảng ngày càng khuynh tả, và tiếp cận gần với nước Nga xô viết và chủ nghĩa cộng sản. Mối quan hệ của Tôn Trung Sơn với Liên Xô được khởi đầu từ năm 1918 khi ông gửi tới V.I Lênin bức điện mừng nhân dịp thành lập chính quyền xô viết ở Nga. Tiếp sau, từ năm 1920, ông nhiều lần đến gặp Gregory Voitinsky, người phụ trách văn phòng Phương Đông của Quốc tế Cộng sản tại Trung Quốc (31).

Với những chuyển biến tư tưởng đó, từ ngày 20 đến ngày 30 tháng 1 năm 1924, Trung Quốc Quốc dân Đảng cử hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ nhất tại Quảng Châu, Tôn Trung Sơn đề xuất chủ trương "*liên Nga dung Cộng*". Đại hội có sự tham gia của một số đại biểu cộng sản, đã



chấp thuận chủ nghĩa Tam Dân mới với ba nội dung: dân tộc, dân quyền, dân sinh. Sau đó hai năm, vào tháng 1 năm 1926, tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai Trung Quốc Quốc dân Đảng quyết định tiếp nhận di chúc của Tôn Trung Sơn và cương lĩnh chính trị của đại hội thứ nhất, tái khẳng định chủ trương chính trị "phản đế phản quân phiệt". Đại hội chủ trương thực hiện tam đại chính sách gồm: *liên Nga, dung Cộng, phù trợ nông-công*.

Vào giữa những năm 20 thế kỷ XX, toàn bộ số người Việt Nam yêu nước đang sinh sống và hoạt động ở Trung Quốc gồm khoảng 100 người. Ngoài một số người ở lại Quảng Tây và di lên Bắc Kinh hoạt động, số còn lại chia thành hai nhóm: một nhóm tập trung ở Hàng Châu xung quanh Phan Bội Châu, Hồ Học Lãm..., nhóm này có khoảng 10 người. Một nhóm khác ở Quảng Châu đóng vai trò quan trọng hơn bao gồm Vũ Hải Thu, Đặng Tử Mẫn, Đinh Tế Dân (Danh). Ngoài ra, cũng ở Quảng Châu còn có một số thanh niên trẻ mới sang sau chiến tranh, vào khoảng những năm 1920-1921 như Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, rồi sau là Lê Hồng Phong, Lê Quảng Đạt, Trương Văn Lệnh (32)...

Dựa trên các nhóm người Việt Nam này, sau khi từ Liên Xô đến Quảng Châu, Trung Quốc, Nguyễn Ái Quốc đã tiến hành tiếp xúc với những người Việt Nam yêu nước cấp tiến nhất là các thành viên trong tổ chức *Tâm Tâm xã* đang hoạt động tại đây như Nguyễn Giản Khanh (con nuôi Nguyễn Thiện Thuật), Đặng Xuân Hồng, Trương Quốc Huy, Nguyễn Công Viễn (tức Lâm Đức Thọ), Lê Hồng Sơn, Hồ Tùng Mậu, Phạm Hồng Thái, Lê Hồng Phong..., để xúc tiến xây dựng nhóm *Cộng sản đoàn* (vào tháng 2-1925). Tháng 6 năm 1925, trên cơ sở nhóm nòng cốt này, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập *Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên* nhằm chuẩn bị về tư tưởng và tổ chức

tiến tới thành lập chính Đảng Cộng sản Việt Nam.

Để đào tạo chuẩn bị lực lượng cán bộ cho cách mạng Việt Nam, tại Thành phố Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc đã triển khai hai mảng hoạt động rất quan trọng: 1. Lựa chọn và gửi một số thanh niên ưu tú đến học Trường Quân sự Hoàng Phố thuộc Chính phủ Trung Hoa Dân quốc do Tôn Trung Sơn đứng đầu, và 2. Mở Trường Chính trị để huấn luyện cán bộ rồi đưa về nước gây dựng phong trào. Trong khoảng ba năm tồn tại kể từ khi thành lập (năm 1924), Trường Quân sự Hoàng Phố (33) (mà Tưởng Giới Thạch được bổ nhiệm làm Hiệu trưởng đầu tiên theo quyết định của Tôn Trung Sơn vào ngày 2-5-1924) (34) đã đào tạo được 5 khóa, và từ khóa 3 đến khóa 5, mỗi khóa kéo dài 6 tháng, trong đó khóa nào cũng có học sinh Việt Nam tới học (35).

Theo thống kê chưa đầy đủ, số lượng học sinh Việt Nam tham dự các khóa đào tạo tại Trường này đã lên tới trên 20 (36) người như Lý Đức Lan (Nguyễn Sơn), Lê Văn Vọng (Lê Thiết Hùng), Mạnh Văn Liễu (Phùng Chí Kiên), Vương Thừa Vũ, Nam Long, Phùng Thế Tài, Tạ Đình Đề, Trương Văn Lĩnh, Hoàng Văn Thái, Vũ Lập,... Theo hồi ký của một cố vấn quân sự Nga ở Quảng Châu tên là Trerepanov thì trong những năm 1924-1925, Nguyễn Ái Quốc thường xuyên liên hệ với với các học sinh Việt Nam và chỉ đạo công việc học tập của họ ở Trường Quân sự Hoàng Phố (37). Trong số những người Việt Nam tốt nghiệp tại Trường Quân sự Hoàng Phố có người sau này ở lại Quảng Châu, có người trực tiếp tham gia trong Quân đội Quốc dân đảng, tiêu biểu như Nguyễn Sơn và một số nhân vật khác.

Cùng với hoạt động trên, được sự ủng hộ của Chính phủ Trung Hoa Dân quốc do Tôn Trung Sơn thành lập, Nguyễn Ái Quốc đã chỉ đạo cơ quan Tổng bộ *Hội Việt Nam*

*Cách mạng Thanh niên* mở trường huấn luyện chính trị đặc biệt cho các hội viên nòng cốt của Hội. Trụ sở của Trường đặt ở số nhà 13 và 13B đường Văn Minh (nay là số 248 và 250) nằm đối diện với Trường Đại học Trung Sơn (nay là Bảo tàng Tôn Trung Sơn) (38). Ở giữa lối vào Trường có gắn một tấm biển mang dòng chữ "*Ban huấn luyện chính trị đặc biệt*". Trong những năm đầu thành lập, Trường huấn luyện chính trị của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* được Chính phủ Tôn Dật Tiên coi như một phân hiệu của Trường Quân sự Hoàng Phố và được tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động (39).

Tại phòng học, bên cạnh ảnh của C.Mác, V.I.Lênin, I.V.Xtalin còn treo cả ảnh của Tổng thống Tôn Dật Tiên. Không chỉ có thế, tư tưởng cốt lõi của Tôn Trung Sơn là chủ nghĩa Tam Dân cùng với các lý thuyết về chủ nghĩa cộng sản còn được coi là một trong những nội dung quan trọng trong chương trình học tập tại các khóa huấn luyện chính trị của *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* tại Quảng Châu. Tính từ đầu năm 1926 đến tháng 4 năm 1927 khi Nguyễn Ái Quốc rời khỏi Quảng Châu đi Liên Xô do cuộc chính biến phản cách mạng của Tưởng Giới Thạch, Hội đã đào tạo được 3 lớp với 75 học viên (40). Những hội viên sau khi hoàn thành các khóa huấn luyện được cử trở về nước để gây dựng cơ sở, từng bước phát triển phong trào cách mạng theo xu hướng cộng sản ở Việt Nam.

Rõ ràng là, trong những năm 1924-1927, giữa bộn bề phức tạp của tình hình quốc tế và đấu tranh nội bộ không kém phần gay gắt giữa các phe phái, khuynh hướng chính trị trong Trung Quốc Quốc dân đảng, Chính Phủ Dân quốc của Tôn Trung Sơn vẫn giành cho những người cách mạng Việt Nam sự ưu ái và giúp đỡ chí tình, góp phần tạo dựng những cơ sở và nền tảng ban đầu nhưng rất cơ bản và

vững chắc cho con đường cách mạng vô sản ở Việt Nam. Để khai thác và tranh thủ được sự giúp đỡ quý báu ấy cũng cần nhấn mạnh tới vai trò và tài năng đặc biệt của Nguyễn Ái Quốc trong việc tìm kiếm sức mạnh ở bên ngoài, biến ngoại lực thành thực lực đáp ứng yêu cầu cách mạng của dân tộc.

\*

Tóm lại, ảnh hưởng của tư tưởng Tôn Trung Sơn đối với phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam không chỉ biểu hiện bằng những chuyến đến thăm, những lần trú ngụ, những năm tháng tuyên truyền, hoạt động của ông từ Nam đến Bắc; mà còn in đậm trong đường lối chính trị và hoạt động của các tổ chức yêu nước và cách mạng Việt Nam từ *Việt Nam Quang Phục hội* (1912-1917) đến *Việt Nam Quốc dân đảng* (1927-1930). Ngay đối với *Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên* - một tổ chức có khuynh hướng cộng sản của Việt Nam - cũng được Chính phủ Tôn Trung Sơn tạo điều kiện ủng hộ từ tinh thần đến hỗ trợ trụ sở hoạt động và các vấn đề khác nhất là khi cần đến sự giúp đỡ của chính quyền địa phương. Một trong những lý do dẫn tới kết quả đó - như Chủ tịch Hồ Chí Minh, Lãnh tụ của cách mạng Việt Nam sau này khẳng định, là vì cách mạng Trung Quốc và chủ nghĩa Tôn Văn "*có nhiều điểm thích hợp với điều kiện*" Việt Nam (41).

Thông qua các tổ chức yêu nước và cách mạng ra đời và hoạt động trong những năm đầu thế kỷ XX, tiêu biểu nhất là *Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên* - tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam, phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam mới dần tìm thấy hướng đi đúng đắn, tạo tiền đề có tính chất quyết định để đưa sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp của dân tộc Việt Nam từng bước phát triển và mau chóng đạt được mục tiêu Độc lập, Tự do và Hạnh phúc cho nhân dân.

## CHÚ THÍCH

- (1). Xem Nguyễn Văn Hồng - Nguyễn Thị Hương - Chương Thâu, *Tôn Trung Sơn với Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013, tr. 112-119.
- (2). Phan Bội Châu, *Toàn tập*, tập 6, Nxb.Thuận Hóa, Huế, 1990, tr.60.
- (3), (8). Chương Thâu, *Phan Bội Châu (1867-1940) nhà yêu nước nhà văn hóa lớn*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2012, tr. 45, 45
- (4). Phan Bội Châu: *Ngục trung thư* trong Phan Bội Châu: *Tự phán*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000, tr.326.
- (5). Phan Bội Châu: *Ngục trung thư*, sdd, tr.327. Ngày 5-5-1912 mà Phan Bội Châu ghi ở đây là theo Âm lịch. Nếu chuyển sang Dương lịch thì là ngày 19-6-1912.
- (6). Chương Thâu, *Nghiên cứu Phan Bội Châu*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2004, tr.87.
- (7). Theo Chương Thâu, *Mối quan hệ giữa Tôn Trung Sơn và cách mạng Tân Hợi Trung Quốc với Phan Bội Châu và cách mạng Việt Nam* trong Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc: *Cách mạng Tân Hợi. 90 năm sau nhìn lại 1911-2001*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr. 228.
- (9). Phan Bội Châu, *Tự phán*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2000, tr.194.
- (10). Phan Bội Châu, *Tự phê phán*, Nxb. Thanh Hóa, 2008, tr.246-247.
- (11). Dương Trung Quốc, *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945)*, Nxb. Giáo Dục, Hà Nội, 2001, tr.76.
- (12). Theo Phan Bội Châu thì ông bị bắt ngày 11 tháng 5 Âm lịch năm Ất Sửu (1925) tại ga Thượng Hải trên đường đi Quảng Đông để cải tổ Quốc dân đảng và dự lễ tưởng niệm 1 năm ngày mất của Liệt sĩ Phạm Hồng Thái dự kiến tổ chức vào ngày 18 tháng 5 Âm lịch. Xem Phan Bội Châu (2008): *Tự phê phán*, sdd, tr.248, và Phan Bội Châu (2000): *Tự phán*, sdd, tr.250. Nhưng theo tài liệu mật thám Pháp tên là Giamachi gửi lãnh sự Pháp, được viện dẫn trong cuốn sách của Yves Le Jariel (2008): *Phan Boi Chau (1867-1940), Le Nationalisme vietnamien avant Ho Chi Minh*, Ed., L'Harmattan, Paris, trang 263 thì Phan Bội Châu bị bắt vào hồi 11h30 ngày 30-6 tại ga Bắc Thượng Hải trên đường từ Hàng Châu đi Quảng Châu. Còn tác giả Dương Trung Quốc (2001): *Việt Nam những sự kiện lịch sử (1919-1945)*, sdd, tr. 90-91 lại cho rằng Phan Bội Châu bị bắt vào ngày 14 tháng 5 Âm lịch, tức là ngày 30-6-1925. Nhưng nếu đổi ngày 14-5 Âm lịch sang Dương lịch thì lại là ngày 4-7-1925. Bởi vậy, theo chúng tôi, báo cáo của mật thám Pháp là Phan Bội Châu bị bắt vào ngày 30-6-1925 là phù hợp với ngày ghi trong hồi ký của Phan Bội Châu.
- (13). Xem Nguyễn Văn Khánh, *Việt Nam Quốc dân đảng trong lịch sử cách mạng Việt Nam*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2013 và Nguyễn Văn Khánh, *The Vietnam Nationalist Party (1927-1954)*, Nxb. Springer, Singapore, 2016.
- (14). Trần Huy Liệu, Văn Tạo, *Tài liệu tham khảo lịch sử cách mạng Việt Nam cận đại* (in lần 2), Nxb. Văn-Sử-Địa, Hà Nội, 1958, T.V, tr. 31, 32, 32-33, 49 và 93, 113, 121-122.
- (15), (16), (17), (18), (19). Trần Huy Liệu. Văn Tạo: *Tài liệu tham khảo...* sdd. tr. 31, 32, 32-33, 49 và 93, 113, 121-122.
- (20). Trần Huy Liệu, Văn Tạo: *Tài liệu tham khảo...*, sdd. tr.55. Sau khi khởi nghĩa Yên Bái bùng nổ và bị đàn áp, các đảng viên Việt Nam Quốc dân đảng bị bắt ở tù và nhiều lần thảo luận rất gay gắt xung quanh vấn đề chủ nghĩa của đảng. Những người bị bắt trước tháng 2-1929 chỉ biết bản Điều lệ và Chương trình hành động đầu tiên. Còn số đảng viên bị bắt ngay trước và sau cuộc bạo động Yên Bái lại chỉ thừa nhận chủ nghĩa Tam dân.

(21). Theo Nguyễn Thành, *Ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr. 270.

(22). Tôn Trung Sơn, *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1995, tr. 189, 50-51.

(23). Xem Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Thị Hương, Chương Thâu, *Tôn Trung Sơn với Việt Nam*, 2013, sdd, tr. 12.

(24). Dương Thành Lợi, *Triết lý Quốc trị Đông phương*, 1996, tr.341-367.

(25). Về điểm này, tờ thực dân *La Revue Francaise annamite*, số ngày 4-8-1929 đã viết: "Nếu chương trình của Việt Nam quốc dân đảng mà bỏ hết các lời hùng hồn của đảng cách mạng Tàu nó làm cho có vẻ to tát thì người ta sẽ chỉ thấy có một câu là: "Hỡi người Pháp, nên bước đi ngay, khi đã xong việc thì sau làm gì, các người trong đảng không để ý tới vì chương trình xã hội và chương trình chính trị họ đều không có gì cả". Dẫn theo Quốc Anh: *Tìm hiểu mối quan hệ giữa khuynh hướng tiểu tư sản yêu nước với phong trào công nhân*, Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử số 160, 1-2-1975.

(26). Nguyễn Thành, *Ảnh hưởng của Tôn Trung Sơn và chủ nghĩa Tam dân ở Việt Nam* trong Trung tâm nghiên cứu Trung Quốc: *Cách mạng Tân Hợi, 90 năm sau nhìn lại (1911-2001)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2001, tr.265.

(27). *Tôn Trung Sơn toàn tập*, tập 1 (1981), tr. 324. Dẫn theo Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Thị Hương, Chương Thâu: *Tôn Trung Sơn với Việt Nam*, sdd, tr. 84.

(28). *Tôn Trung Sơn toàn tập*, tập 1, sdd, tr. 84.

(29). Nguyễn Văn Hồng, Nguyễn Thị Hương, Chương Thâu: *Tôn Trung Sơn với Việt Nam*, sdd, tr. 90.

(30). Xem Tôn Trung Sơn: *Chủ nghĩa Tam Dân*, sdd, tr. 50.

(31). Theo Yves Le Jariel, *Phan Boi Chau (1867-1940), Le Nationalisme vietnamien avant Ho Chi Minh*, Ed., L'Harmattan, Paris, 2008, tr.222.

(32). Yves Le Jariel, *Phan Boi Chau (1867-1940), Le Nationalisme vietnamien avant Ho Chi Minh*, 2008, sdd, tr.223-224.

(33). Trường Quân sự Hoàng Phố thành lập là theo đề nghị của M.M.Borodin, đại diện của Quốc tế Cộng sản và Liên Xô trong chính quyền Quốc dân đảng của Tôn Trung Sơn tại Quảng Châu trong những năm 1923-1927 nhằm đào tạo cán bộ quân sự cho chế độ mới. Theo Yves Le Jariel (2008): *Phan Boi Chau (1867-1940), Le Nationalisme vietnamien avant Ho Chi Minh*, sdd, tr.226.

(34). Xem Martin Wilbur (1992): *Missionaries of Revolution: Soviets advisers and nationalists in China (1920-1927)*, Havard University Press.

(35). Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Lịch sử Quân sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.161.

(36). Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam, *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Quân đội nhân dân*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1996, tr.114.

(37). Trerepanov, *Ghi chép của một cố vấn quân sự ở Trung Quốc*: Matxcova, 1976, tr.123. Theo ý kiến của chuyên gia này, số học viên Việt Nam có tới 30 người. Dẫn theo *Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội*, Nxb. Thông tin lý luận, Hà Nội, 1985, tr.104. Còn Lê Thiết Hùng, một trong những học viên của Trường Quân sự Hoàng Phố thì cho rằng số lượng học sinh Việt Nam học qua trường này đến gần 200 người. Xem Hồi ký Lê Thiết Hùng trong *Đầu nguồn*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975, tr. 286.

(38), (40). Viện Hồ Chí Minh, *Nguyễn Ái Quốc ở Quảng Châu (1924-1927)*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.56, 57.

(39). *Việt Nam Thanh niên cách mạng đồng chí hội (1985)*, sdd, tr.93.

(41). *Danh Nhân Hồ Chí Minh*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2000, tr. 870.